**MẪU SỐ 8A**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG**

**CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,**

**MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP**

**(theo quy trình số 01)**

**(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT   
ngày 15/02/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| Luật đấu thầu | Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 |
| KHLCNT | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu |
| E-HSMT | Hồ sơ mời thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, hồ sơ yêu cầu đối với chào hàng cạnh tranh qua mạng theo quy trình thông thường, yêu cầu báo giá đối với chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng. |
| E-HSDT | Hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi qua mạng, đấu thầu hạn chế qua mạng, hồ sơ đề xuất đối với chào hàng cạnh tranh qua mạng theo quy trình thông thường, báo giá đối với chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng |
| Chủ đầu tư | Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển |
| Dự án | Dự án đầu tư phát triển |

**PHẦN I:**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên gói thầu:** | [[GoiThau]] |
| **Nhiệm vụ:** | [[DuAn]] |
| **Chủ đầu tư:** | [[ChuDauTu]] |
| **Bên mời thầu:** | [[ChuDauTu]] |

**Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu:[[NhaThau]]

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá trong E-HSMT** | **Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E–HSDT)** | | **Kết quả đánh giá của chuyên gia** | |
| **Đạt** | **Không đạt** | **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | Bảo đảm dự thầu(1) | X |  | X |  |
| 2 | Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)(2) | - |  | - |  |
| 3 | Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật đấu thầu | X |  | X |  |
| 3.1 | Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: |  |  |  |  |
| 3.1.1 | Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật(3) | X |  | X |  |
| 3.1.2 | Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự(3) | X |  | X |  |
| 3.1.3 | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu(3) | X |  | X |  |
| 3.1.4 | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu(3) | X |  | X |  |
| 3.1.5 | Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống(3) | X |  | X |  |
| **KẾT LUẬN(5)** | | **ĐẠT** | |  | |

**Người đánh giá**

**[[ToCGia\_2]]**

**Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

E-HSDT của nhà thầu: [[NhaThau]]

| **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm trong E-HSMT(1)** | | | **Thông tin trong**  **E-HSDT(2)** | **Kết quả đánh giá tự động từ**  **Hệ thống(3)** | | **Kết quả đánh giá của chuyên gia(4)** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đạt** | **Không đạt** | **Đạt** | **Không đạt** |
| **1** | **Lịch sử không**  **hoàn thành hợp**  **đồng do lỗi của**  **nhà thầu** | Từ ngày 01 tháng 01 năm [[NamXaNhat]] đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà  thầu. | Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm [[NamXaNhat]] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III. | X |  | X |  |
| **2** | **Thực hiện nghĩa**  **vụ thuế** | Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. | X |  | X |  |
| **3** | **Năng lực tài chính** |  |  | X |  | X |  |
| 3.1 | Kết quả hoạt  động tài chính (5) | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài  sản - Tổng nợ). | THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  Giá trị tài sản ròng: xxxxxxxxxxx VND | X |  | X |  |
| 3.2 | Doanh thu bình  quân hằng năm (không bao gồm  thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 (6) năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là [[Dthu\_nam]](7) VND. | THÔNG TIN TỪ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT): xxxxxxxx VND | X |  | X |  |
| **4** | **Kinh nghiệm**  **thực hiện hợp**  **đồng cung cấp**  **hàng hoá tương**  **tự** | Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ(8) trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm [[NamXaNhat]] (9) đến thời điểm đóng thầu.  Trong đó hợp đồng tương tự là:  - Có tính chất tương tự: Hoá chất, dụng cụ thí nghiệm(10)  - Đã hoàn thành có quy mô (giá trị) tối thiểu: [[HD\_Ttu]] VND.(11) | Hợp đồng số: 01  - Tên nhà thầu: [[NhaThau]];  - Tên và số hợp đồng: 512/KHH-HC/HĐKT2023-Hợp đồng kinh tế;  - Ngày ký hợp đồng: 05/12/2023;  - Giá hợp đồng: **1.470.000.000** đ;  Ngày hoàn thành: 19/12/2023.  - Tính chất tương tự: Hóa chất, vật tư; - Giá trị hợp đồng đã thực hiện: **1.470.000.000** đ;  - Quy mô đã thực hiện: Trọn gói. | X |  | X |  |
| 5 | **Khả năng bảo**  **hành, bảo trì,**  **duy tu, bảo**  **dưỡng, sửa**  **chữa, cung cấp**  **phụ tùng thay**  **thế hoặc cung**  **cấp các dịch vụ**  **sau bán hàng**  **khác** | Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:  - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế  hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.  - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. | Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. | X |  | X |  |
| **Kết luận** | | | | **ĐẠT** | |  | |

**Người đánh giá**

**[[ToCGia\_1]]****Mẫu số 03B (****Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)**

E-HSDT của nhà thầu: [[NhaThau]]

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | | | **Nhận xét của chuyên gia** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Chấp nhận được** | **Không đạt** |
| I | Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | X |  |  | X |  |
| II | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá | X |  |  | X |  |
| III | Tiến độ cung cấp | X |  |  | X |  |
| IV | Yêu cầu về bảo hành | X |  |  | X |  |
| V | Uy tín của Nhà thầu | X |  |  | X |  |
| **KẾT LUẬN(3)** | | **ĐẠT** | | |  |  |

**Người đánh giá**

**[[ToCGia\_3]]** **Mẫu số 05 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG**

**ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU**

**(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

*Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định hàng hóa do nhà thầu chào có thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi hay không. Từ đó, xác định các hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT để làm cơ sở xác định ΔƯĐ theo Mẫu số 6 như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hàng hóa(1)** | **Nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi(2)** | **Nhà thầu chào hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi(3)** | **Ghi chú** |
|  | *Hàng hóa 1* |  |  |  |
|  | *Hàng hóa 2* |  |  |  |
|  | *Hàng hóa 3* |  |  |  |
|  | … |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên hàng hóa.

(2) Tên các nhà thầu chào hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

(3) Tên các nhà thầu chào hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

**Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 01 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, các nhà thầu cùng chào hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi hoặc cùng chào hàng hóa không thuộc đối tượng hưởng ưu đãi.**

**Mẫu số 06 (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**XÁC ĐỊNH ΔƯĐ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA**

**KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

**(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)**

E-HSDT của nhà thầu [[NhaThau]]

| **Stt** | **Hàng hóa(1)** | **Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có)(2)** | **ΔƯĐ(3)** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *Hàng hóa 1* |  |  |
|  | *Hàng hóa 2* |  |  |
|  | *…* |  |  |
|  | **Tổng cộng** | |  |

**­Người đánh giá**

(Ký và ghi rõ họ tên)

­­

Ghi chú:

(1) Tên hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 05;

(2) Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có) của từng loại hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi

(3) ΔƯĐ đối với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi = 7,5% x Giá dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có).

**Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc tất cả các nhà thầu cùng chào hàng hóa được hưởng ưu đãi hoặc cùng chào hàng hóa không được hưởng ưu đãi.**

**Mẫu số 07B (Đính kèm cùng báo cáo đánh giá)**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

**(Phương pháp giá thấp nhất)**

E-HSDT của nhà thầu: [[NhaThau]]

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Giá trị (VNĐ)** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | [[GiaTrungThau]] |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa(1) | 0 |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | 0 |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | [[GiaTrungThau]] |
| 5 | ΔƯĐ(2) | 0 |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và sau khi tính ưu đãi (nếu có) | [[GiaTrungThau]] |

**Người đánh giá**

**[[ToCGia\_1]]**

|  |  |
| --- | --- |
| [[ChuDauTu\_h]]  **TỔ CHUYÊN GIA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *[[DiaDanh]], [[BCDG\_d\_c]]* |

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu: [[GoiThau]]

Thuộc nhiệm vụ KH&CN: [[DuAn]]

Kính gửi: [[ChuDauTu]]

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: *[[ChuDauTu]].*

- Bên mời thầu: *[[ChuDauTu]].*

- Tên nhiệm vụ: *[[DuAn]];*

- Tên gói thầu: *[[GoiThau]];*

- Số KHLCNT: *[[E\_KHLCNT]]*,thời điểm đăng tải: *ngày [[E\_KHLCNT\_d]];*

*-* Số E-TBMT: *[[E\_TBMT]]*, thời điểm đăng tải: *ngày [[E\_TBMT\_d]];*

- Các văn bản pháp lý liên quan:

*+ Quyết định số [[KHLCNT\_qd]] ngày [[KHLCNT\_qd\_d]] của [[ChuDauTu]] phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”;*

*+ Quyết định số [[HSMT\_qd]] ngày [[HSMT\_qd\_d]] của [[ChuDauTu]] phê duyệt E-HSMT gói thầu “[[GoiThau]]”;*

*+ E-TBMT số [[E\_TBMT]] ngày [[TBMT\_d]];*

*+ Đóng, mở thầu trên mạng đấu thầu ngày [[BB\_MoThau\_d]].*

### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập Tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [[ChuDauTu]] thành lập theo Quyết định số [[QD\_ToChuyenGia]] ngày [[QD\_ToChuyenGia\_d]] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”.

b) Thành phần Tổ chuyên gia:

Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.

**Bảng số 01**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ, vị trí trong Tổ chuyên gia** | **Phân công công việc của các thành viên** |
| 1 | [[ToCGia\_1]] | Tổ trưởng | Chịu trách nhiệm chung; Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm |
| 2 | [[ToCGia\_2]] | Thành viên | Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ E-HSDT |
| 3 | [[ToCGia\_3]] | Thư ký | Đánh giá về kỹ thuật |

c) Cách thức làm việc của Tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia làm việc theo nhóm; khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên còn lại thì bảo lưu ý kiến và ý kiến bảo lưu phải được ghi trong Mục IV báo cáo này. Quyết định cuối cùng sẽ dựa trên kết quả biểu quyết, ý kiến thống nhất theo đa số.

## II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT

**1. Biên bản mở thầu**

*[trích xuất biên bản mở thầu từ Hệ thống]*

### 2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 02** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 01)*

**Bảng số 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **[[NhaThau]]** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** |
|  | Bảo đảm dự thầu(1) | Đạt |
|  | Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật(3) | Đạt |
|  | Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự(3) | Đạt |
|  | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu(3) | Đạt |
|  | Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu(3) | Đạt |
|  | Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống(3) | Đạt |
| **Kết luận:** | | **Đạt** |

b)Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ: *Không có.*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có)*: Không có.*

### 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 03** dưới đây: *(trích xuất từ Mẫu số 02):*

**Bảng số 03**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **[[NhaThau]]** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** |
| 1 | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Đạt |
| 2 | Thực hiện nghĩa vụ thuế | Đạt |
| 3 | Năng lực tài chính | Đạt |
| *3.1* | *Kết quả hoạt động tài chính (5)* | *Đạt* |
| *3.2* | *Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* | *Đạt* |
| 4 | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự | Đạt |
| 5 | Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa  chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác | Đạt |
| **Kết luận:** | | **Đạt** |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT: *Không có.*

c) Các nội dung làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có): *Không có.*

### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 04** dưới đây: *(tổng hợp từ Mẫu số 03A hoặc Mẫu số 03B)*:

**Bảng số 04**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **[[NhaThau]]** | **Kết quả đánh giá** | **Ghi chú** |
|  | Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | Đạt |  |
|  | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá | Đạt |  |
|  | Tiến độ cung cấp | Đạt |  |
|  | Yêu cầu về bảo hành | Đạt |  |
|  | Uy tín của Nhà thầu | Đạt |  |
|  | Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | Đạt |  |
|  | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hoá | Đạt |  |
| **Kết luận:** | | **Đạt** |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDT): *Không có.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá: *Không có.*

### 5. Kết quả đánh giá về tài chính

Kết quả đánh giá về tài chính được tổng hợp theo **Bảng số 05** dưới đây: *(được tổng hợp từ Mẫu số 07A hoặc Mẫu số 07B)*:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **[[NhaThau]]** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) | [[GiaTrungThau]] VNĐ |
| 2 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp áp dụng hợp đồng trọn gói, nếu có) | 0 |
| 3 | Giá trị giảm giá (nếu có) | 0 |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) | [[GiaTrungThau]] VNĐ |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất** |  |
| 5 | ΔƯĐ (chỉ áp dụng đối với gói thầu hàng hóa, nếu có) | 0 |
| 6 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) | [[GiaTrungThau]] VNĐ |

Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính: *Không có.*

### 6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 06** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 06**

| **STT** | **Nội dung** | **[[NhaThau]]** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT | X |
| 2 | Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm | X |
| 3 | Kết quả đánh giá về kỹ thuật | X |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất** |  |
| 4 | Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) | [[GiaTrungThau]] VNĐ |
| 5 | Xếp hạng các E-HSDT\* | 1 |

*Ghi chú:*

*- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

*\* Đối với gói thầu xây lắp, phi tư vấn: việc xếp hạng các E-HSDT cần xem xét đến các trường hợp được hưởng ưu đãi như sau:*

*-* *E-HSDT của nhà thầu có* sử dụng *số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên được xếp hạng cao hơn E-HSDT của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp E-HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.*

*- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, không cần xác định ưu đãi, giá đánh giá, xếp hạng nhà thầu.*

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà thầu** | **Thứ tự xếp hạng** |
| 1 | [[NhaThau]] | 1 |

* Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu: *Quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.*

1. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu: *Không có.*

**IV. Ý KIẾN BẢO LƯU:** Không có.

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ trưởng:** | **[[ToCGia\_1]]** | ............................. |
| **Thành viên:** | **[[ToCGia\_2]]** | ............................. |
| **Thư ký:** | **[[ToCGia\_3]]** | ............................. |

**DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

| **STT** | **Tài liệu** | **Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu** |  |
|  | Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | [[KHLCNT\_qd]] ngày [[KHLCNT\_qd\_d]] |
|  | Quyết định phê duyệt E-HSMT, kèm theo E-HSMT được duyệt | [[HSMT\_qd]] ngày [[HSMT\_qd\_d]] |
|  | Quyết định thành lập Tổ chuyên gia | [[QD\_ToChuyenGia]] ngày [[QD\_ToChuyenGia\_d]] |
|  | Bản cam kết của từng thành viên trong Tổ chuyên gia | [[QD\_ToChuyenGia]] |
|  | Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu hoặc chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu của các thành viên trong Tổ chuyên gia (bản chụp) | [[ToCGia\_1\_cc]]  [[ToCGia\_2\_cc]]  [[ToCGia\_3\_cc]] |
|  | Thông báo E-TBMT | [[E\_TBMT]] |
| **II** | **Đánh giá E-HSDT** |  |
|  | Biên bản mở thầu | Ngày [[BB\_MoThau\_d]] |
|  | E-HSDT của các nhà thầu tham dự | Tải về bản mềm |
|  | Bản kiểm tra tính hợp lệ của E-HSDT | [[BCDG\_d]] |
|  | Bản đánh giá về tính hợp lệ của từng E-HSDT | [[BCDG\_d]] |
|  | Bản đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu | [[BCDG\_d]] |
|  | Bản đánh giá chi tiết về kỹ thuật của từng E-HSDT | [[BCDG\_d]] |
|  | Bảng tổng hợp kết quả đánh giá về tài chính của từng nhà thầu | [[BCDG\_d]] |